

Bản án số: 64/2023/ HS-ST
Ngày: 17/ 11/ 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hà và bà Phạm Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 55/2023/TLST- HS ngày 18 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 56/2023/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị L; sinh năm 1991, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Phố Khu T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị D; có chồng: Anh Lê Văn C (đã ly hôn năm 2014) và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2023 đến ngày 02/8/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

2. Nguyễn Thị T; sinh năm 1992, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Phố 8, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T; có chồng: Anh Nguyễn Văn T và có 05 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 29/3/2021, bị Công an huyện Y ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 31/QĐ-XPHC xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, chấp hành xong ngày 27/4/2021.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2023 đến ngày 29/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

3. Trần Văn T; sinh năm 1987 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Phố B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Trần Văn C và bà Đinh Thị Ch; có vợ: Chị Nguyễn Thị T và có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền sự, tiền án: Không.

Về nhân thân: Ngày 08/02/2022, bị Công an thị trấn Yên Ninh, huyện Y ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, chấp hành xong ngày 17/02/2022.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2023 đến ngày 02/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

4. Đinh Thị Th; sinh năm 1968 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Phố B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Quang H (đã chết) và Tống Thị P; có chồng: Anh Trần Văn B và có 05 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2003;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2023 đến ngày 02/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe (được Hội đồng xét xử chấp nhận).

5. Nguyễn Thị H; sinh năm 1981 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị V (đã chết); có chồng: Anh Nguyễn Văn Q và có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2023 đến ngày 02/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn T, anh Mai Văn N; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 27/7/2023, Nguyễn Thị H, sinh năm 1981, trú tại phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình sử dụng điện thoại Samsung GALAXY A32 đăng nhập tài khoản Zalo, nhắn tin đến tài khoản Zalo của Lê Thị L, sinh năm 1991, trú tại phố 8, thị trấn Y, huyện Y (nơi ở hiện tại: Phố Khu T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) đăng nhập trên điện thoại Iphone 12 Promax để hỏi xem có ai đánh bạc không, thì L nói cứ đến nhà L đợi. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, L về nhà thì thấy Trần Văn T, sinh năm 1987 và Đinh Thị Th, sinh năm 1968, đều trú tại phố B, thị trấn Y, huyện Y đang ngồi chơi nói chuyện. L rủ T, Th đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Lốc” thì T, Th đồng ý. L lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở nhà rồi cùng Th và T vào trong buồng ngủ nhà L tại tầng 1 bắt đầu đánh bạc, thống nhất cách thức chơi: Mỗi người chơi được chia 10 quân bài ngẫu nhiên, người về nhất là người đánh hết 10 quân bài đầu tiên, những người chơi còn lại sẽ phải trả tiền cho người về nhất, mỗi quân bài còn lại chưa đánh phải trả số tiền là 10.000 đồng/01 quân bài. Khoảng 10 phút sau, Nguyễn Thị H đến nhà L, thấy mọi người đang đánh bạc nên vào chơi cùng. Khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; anh Nguyễn

Văn T, sinh năm 1990 đều trú tại phố 8, thị trấn Y, huyện Y và anh Mai Văn N, sinh năm 1973 trú tại phố B, thị trấn Y, huyện Y đến nhà L chơi. T thấy mọi người đang đánh bạc nên vào chơi cùng, còn anh T và anh N ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc liên tục đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị lực lượng Công an huyện Y phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền là 4.280.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; Trần Văn T tự nguyện giao nộp số tiền 2.800.000 đồng có trên người; Nguyễn Thị T tự nguyện giao nộp số tiền 3.600.000 đồng có trên người; thu giữ của Lê Thị L 01 túi xách bên trong có số tiền 2.720.000 đồng; ngoài ra còn thu giữ của các đối tượng 04 chiếc điện thoại di động. Quá trình điều tra xác định, tổng số tiền mà Lê Thị L, Trần Văn T, Nguyễn Thị T, Đinh Thị Th, Nguyễn Thị H sử dụng vào việc đánh bạc ngày 27/7/2023 là: 4.280.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc + 2.800.000 đồng trên người T + 3.600.000 đồng trên người T = 10.680.000 đồng.

Về vật chứng: Đối với số tiền 2.720.000 đồng và 01 túi xách giả da màu ghi nâu thu giữ của Lê Thị L. Quá trình điều tra xác định Loan không sử dụng số tiền trên vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại 2.720.000 đồng cùng túi xách cho Loan theo quy định.

Đối với số tiền 10.680.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 điện thoại Sam Sung GALAXY A02S lắp sim số: 0383248355 thu giữ của Nguyễn Thị T; 01 điện thoại Sam Sung GALAXY A32 vỏ màu đen; lắp sim số: 0846881665 thu giữ của Nguyễn Thị H; 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu xanh, lắp sim số: 0982880333 thu giữ của Lê Thị L; 01 điện thoại Nokia 105 vỏ màu hồng, lắp sim số: 0839118755 thu giữ của Đinh Thị Th được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Y để giải quyết theo vụ án.

Quá trình điều tra, Lê Thị L, Trần Văn T, Nguyễn Thị T, Đinh Thị Th, Nguyễn Thị H đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Bản cáo trạng số 59/CT-VKSYK ngày 17/10/ 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Lê Thị L, Trần Văn T, Nguyễn Thị T, Đinh Thị Th, Nguyễn Thị H về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị L, Trần Văn T, Nguyễn Thị T, Đinh Thị Th, Nguyễn Thị H phạm tội phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lê Thị L, Trần Văn T, Nguyễn Thị T, Đinh Thị Th, Nguyễn Thị H. Xử phạt:

Phạt tiền bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị T, Trần Văn T mỗi bị cáo từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Phạt tiền bị cáo Đinh Thị Th, Nguyễn Thị H mỗi bị cáo từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, để sung ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.680.000 đồng và 02 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại Sam Sung GALAXY A32 vỏ màu đen, thu giữ của Nguyễn

Thị H; 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu xanh, thu giữ của Lê Thị L, do sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 02 chiếc sim điện thoại gồm: Số thuê bao 0846881665 và số 0982880333 do không có nhu cầu nhận lại.

Trả lại cho bị cáo: Nguyễn Thị T 01 điện thoại Sam Sung GALAXY A02S lắp sim số: 0383248355 và Đinh Thị Th 01 điện thoại Nokia 105 vỏ màu hồng, lắp sim số: 0839118755 đã thu giữ do không liên quan đến vụ án, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện sửa chữa lỗi lầm đối với mỗi bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa vắng mặt bị cáo Đinh Thị Thảo, bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe, có xác nhận của chính quyền địa phương và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị T, Trần Văn T, Đinh Thị Th, Nguyễn Thị H đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với vật chứng đã thu giữ, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 27/7/2023 H có nhắn tin cho L hỏi có ai đánh bạc không thì được L trả lời cứ đến nhà đợi, khi đó L không có nhà, sau khoảng 30 phút thì L về nhà ở tại Phố K, thị trấn Y, huyện Y, thì thấy T và Th đang ở nhà L ngồi chơi, nên L rủ T và Th chơi “Lốc” T, Th đồng ý, L lấy bộ bài có sẵn ở nhà rồi vào trong phòng ngủ tại tầng 1 cùng Th và T ngồi đánh bài, đánh được khoảng 10 phút thì H đến, sau đó T đến thấy đang đánh bài ăn tiền nên cùng vào tham gia. L, T, T, H và Th đã tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Lốc” cho đến 21 giờ 30 phút thì bị Công an huyện Y bắt quả tang. Xác định tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 10.680.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc đánh bạc, được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

Nội dung Điều 321 tội đánh bạc của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên Tòa là có căn cứ. Căn cứ vào hành vi và số tiền mà các bị cáo thực hiện để đánh bạc vào tối ngày 27/7/2023 thì hành vi của các bị cáo đã phạm tội đánh bạc, được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến khách thể được Luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội cho mỗi bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Trong vụ án này đối với L là người khởi xướng và cùng tham gia đánh bạc nên giữ vai trò chính trong vụ án nên về trách nhiệm hình sự phải chịu là cao hơn các bị cáo khác, còn T, T không phải là người khởi xướng việc đánh bạc nhưng nhân thân đã bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, T sử dụng 3.400.000 đồng, T sử dụng 3.900.000 đồng vào việc đánh bạc là số tiền cao nhất trong vụ án nên về trách nhiệm hình sự phải chịu là ngang nhau, thấp hơn L và cao hơn so với Th và H là phù hợp; còn đối với Th, đã sử dụng số tiền 1.890.000 đồng, H sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc là số tiền thấp nhất trong vụ án nên về trách nhiệm hình sự của các bị cáo phải chịu là ngang nhau và thấp hơn so với L, T, T là phù hợp với hành vi của mỗi bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L, T, T, Th, H trong quá trình điều tra đều khai nhận hành vi và số tiền đánh bạc, riêng bị cáo T có thay đổi lời khai một lần về số tiền dùng để đánh bạc, sau đó đã thừa nhận. Tại phiên tòa bị cáo T khai nhận rõ hành vi và số tiền đánh bạc của mình. Do đó các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đánh bạc với số tiền không lớn; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đều có

nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nhân thân không có tiền án, tiền sự nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng hình phạt chính bằng phạt tiền là phù hợp với tính chất và hành vi của các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt chính bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền 2.720.000 đồng và 01 túi xách giả da đã thu giữ, do không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho L chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về số tiền 10.680.000 đồng đã thu giữ và 01 điện thoại Sam Sung GALAXY A32 vỏ màu đen, thu giữ của bị cáo H; 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu xanh, thu giữ của bị cáo L, do sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu hóa giá để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là vật chứng và 02 chiếc sim điện thoại gồm: Số thuê bao 0846881665 và số 0982880333 do giá trị thấp và không có nhu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại Sam Sung GALAXY A02S lắp sim số: 0383248355 của bị cáo T và 01 điện thoại Nokia 105 vỏ màu hồng, lắp sim số: 0839118755 của bị cáo Th đã thu giữ, do không liên quan đến vụ án nên trả lại cho các bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Bị cáo L, T, T, Th, H bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lê Thị L, Trần Văn T, Nguyễn Thị T, Đinh Thị Th, Nguyễn Thị H.

Căn cứ Điều 106; điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo: Lê Thị L, Trần Văn T, Nguyễn Thị T, Đinh Thị Th, Nguyễn Thị H phạm tội phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt Tiền:

- Bị cáo Lê Thị L 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Nguyễn Thị T, Trần Văn T mỗi bị cáo 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Đinh Thị Th, Nguyễn Thị H mỗi bị cáo 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.680.000 đồng (mười triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) và 02 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại Sam Sung GALAXY A32 vỏ màu đen, thu giữ của Nguyễn Thị H; 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu xanh, thu giữ của Lê Thị L, do sử dụng vào việc phạm tội (được niêm phong trong 02 phong bì).

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là vật chứng của vụ án và 02 chiếc sim điện thoại gồm: Số thuê bao 0846881665 và số 0982880333 do không có nhu cầu nhận lại.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 điện thoại Sam Sung GALAXY A02S lắp sim số: 0383248355 và Đinh Thị Th 01 điện thoại Nokia 105 vỏ màu hồng, lắp sim số: 0839118755 đã thu giữ do không liên quan đến vụ án, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án (được niêm phong trong 02 phong bì).

Số tiền và vật chứng trên Công an huyện Y đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Y theo giấy ủy nhiệm chi ngày 24/10/2023 tại Kho bạc Nhà nước huyện Y và vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/10/2023 giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thị L, Trần Văn T, Nguyễn Thị T, Đinh Thị Th, Nguyễn Thị H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung.

